

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy
đối với sinh viên đợt tháng 6 năm 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ- TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐTTĐHKH ngày 29/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học; Nghị quyết số 34/NQ-HĐTTĐHKH ngày 20/9/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết 30/NQ-HĐTTĐHKH;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN ngày 22/4/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1314/QĐ/ĐHKH ngày 13/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Biên bản ngày 18/6/2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt tháng 6 năm 2025 Trường Đại học Khoa học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy cho 290 sinh viên đợt tháng 6 năm 2025 của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên (có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *the*

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Như Điều 2 (th/h);
- QLVB;
- Lưu: VT, ĐT (6). *th*

HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP K15 ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2025 HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 1306 /QĐ-ĐHKH, ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

1/ NGÀNH: LUẬT K15

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ1752380101263	Lò Thị Hải Yến	Nữ	01.05.1999	Sơn La	Thái	2.39	136	Trung bình	

Ấn định danh sách: 01 sinh viên ./.

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP K16 ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2025 HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 1306/QĐ-ĐHKH, ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

1/ NGÀNH: DU LỊCH K16

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ1857810101015	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	06.11.2000	Thái Nguyên	Kinh	2.60	136	Khá	

Ấn định danh sách: 01 sinh viên ./.

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP K18 ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2025 HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 1306 /QĐ-ĐHKH, ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

1/ NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI K18

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2057760101017	Ngô Thanh Thảo	Nam	17.11.2002	Thái Nguyên	Kinh	2.60	135	Khá	

2/ NGÀNH: CÔNG NGHỆ SINH HỌC K18

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2057420201032	Trần Xuân Tiệp	Nam	19.06.1991	Thái Bình	Kinh	2.80	146	Khá	
2	DTZ2057420201036	Tòng Văn Thắng	Nam	30.10.2002	Điện Biên	Thái	2.23	146	Trung bình	

3/ NGÀNH: KHOA HỌC QUẢN LÝ K18

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2057340401015	Nguyễn Thị Sen	Nữ	05.02.2002	Thái Bình	Kinh	2.91	137	Khá	

4/ NGÀNH: LUẬT K18

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2057380101067	Phạm Trần Quân	Nam	12.07.2002	Thái Nguyên	Kinh	2.54	135	Khá	
2	DTZ2057380101079	Nguyễn Văn Nam	Nam	10.07.2002	Thái Nguyên	Kinh	2.53	135	Khá	
3	DTZ2057380101128	BOULAPHA SINGVONGSA	Nam	22.06.2001	Lào	Lào	2.72	135	Khá	
4	DTZ2057380101009	Lục Minh Long	Nam	09.04.2000	Lào Cai	Nùng	2.37	135	Trung bình	

5/ NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH K18

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2057220201040	Hoàng Như Trang	Nữ	05.09.2002	Thái Nguyên	Kinh	2.61	135	Khá	
2	DTZ2057220201026	Lê Thị Hồng Hạnh	Nữ	09.11.2001	Bắc Giang	Kinh	2.53	135	Khá	
3	DTZ2057220201009	Trần Thị Minh Nguyệt	Nữ	30.05.2002	Thái Nguyên	Kinh	2.47	135	Trung bình	
4	DTZ2057220201015	Phùng Đình Hoan	Nam	06.11.2002	Bắc Kạn	Nùng	2.46	135	Trung bình	

6/ NGÀNH: TOÁN TIN K18

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2057460117068	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	06.04.1998	Thái Nguyên	Kinh	2.70	138	Khá	

7/ NGÀNH: LỊCH SỬ K18

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2057229010001	Đường Văn Trần	Nam	23.10.2000	Cao Bằng	Nùng	2.67	138	Khá	

Ấn định danh sách: 14 sinh viên ./

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP K19 ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2025 HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: 1306 /QĐ-ĐHKH, ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

1/ NGÀNH: BẢO CHÍ K19

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157320101009	Hoàng Ngọc	Hà	Nữ	02.11.2003	Thái Bình	Kinh	3.74	137	Xuất sắc	
2	DTZ2157320101005	Lý Kim	Phượng	Nữ	10.11.2002	Lạng Sơn	Nùng	3.57	137	Giỏi	
3	DTZ2157320101017	Hoàng Nhật	Mai	Nữ	08.09.2003	Thái Bình	Kinh	3.50	137	Giỏi	
4	DTZ2157320101501	Vũ Phương	Thanh	Nữ	21.10.2003	Thái Nguyên	Khmer	3.43	137	Giỏi	
5	DTZ2157320101021	Bế Ngọc	Hoàng	Nam	20.09.2003	Bắc Kạn	Nùng	3.37	137	Giỏi	
6	DTZ2157320101014	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	08.06.2003	Hòa Bình	Kinh	3.28	137	Giỏi	
7	DTZ2157320101010	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	31.12.2003	Thái Nguyên	Tày	3.20	137	Giỏi	
8	DTZ2157320101002	Vũ Thị Vân	Thương	Nữ	29.05.2003	Nam Định	Kinh	2.97	137	Khá	
9	DTZ2157320101001	Lâm Ngọc	Trà	Nữ	21.08.2003	Thái Nguyên	Tày	2.80	137	Khá	
10	DTZ2157320101020	Hoàng Đức Hải	Đăng	Nam	09.09.2003	Cao Bằng	Tày	2.74	137	Khá	

2/ NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC K19

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157510401003	Trần Linh	Chi	Nữ	03.06.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.82	136	Khá	
2	DTZ2157510401001	Nguyễn Đức	Phương	Nam	25.03.2003	Quảng Ninh	Kinh	2.85	136	Khá	

3/ NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI K19

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157760101017	Ninh Thị	Hùng	Nữ	19.11.2003	Quảng Ninh	Sán chỉ	3.68	135	Xuất sắc	
2	DTZ2157760101002	Bàn Thị	Hương	Nữ	05.08.2003	Cao Bằng	Dao	3.44	135	Giỏi	

3	DTZ2157760101019	Dương Thị	Tươi	Nữ	06.03.2003	Cao Bằng	Nùng	3.30	135	Giỏi	
4	DTZ2157760101009	La Thị Hải	Anh	Nữ	22.09.2003	Cao Bằng	Tày	3.16	135	Khá	
5	DTZ2157760101501	Phạm Thị	Ngân	Nữ	20.08.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.05	135	Khá	
6	DTZ2157760101015	Chi Văn	Hướng	Nam	09.11.2003	Cao Bằng	Lô Lô	2.95	135	Khá	
7	DTZ2157760101013	Trần Thị Phương	Hiếu	Nữ	21.12.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.50	135	Khá	
8	DTZ2157760101016	Hoàng Thị Kim	Chi	Nữ	18.06.2002	Bắc Kạn	Tày	2.49	135	Trung bình	

4/ NGÀNH: CÔNG NGHỆ SINH HỌC K19

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157420201015	Lê Thị Ngọc	Thúy	Nữ	07.09.2003	Lào Cai	Kinh	3.53	146	Giỏi	
2	DTZ2157420201028	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	18.03.2003	Thanh Hóa	Kinh	3.50	146	Giỏi	
3	DTZ2157420201666	Hoàng	Việt	Nam	25.12.1997	Thái Nguyên	Kinh	3.47	146	Giỏi	
4	DTZ2157420201019	Nguyễn Phạm Đức	Anh	Nam	04.08.2003	Đồng Nai	Kinh	3.41	146	Giỏi	
5	DTZ2157420201020	Nguyễn Vũ Thành	Vũ	Nam	11.06.2003	Hòa Bình	Kinh	3.13	146	Khá	
6	DTZ2157420201012	Ngô Đức	Mạnh	Nam	17.10.2003	Yên Bái	Kinh	3.08	146	Khá	
7	DTZ2157420201017	Cần Đình Quang	Hưng	Nam	09.03.2003	TP. Hồ Chí Minh	Kinh	2.98	146	Khá	
8	DTZ2157420201021	Hoàng Văn	Hiếu	Nam	21.02.2003	Lào Cai	Nùng	2.95	146	Khá	
9	DTZ2157420201005	Ngô Hồng	Phương	Nữ	03.11.2003	Bắc Giang	Kinh	2.93	146	Khá	
10	DTZ2157420201003	Hoàng Hà	My	Nữ	17.06.2003	Hải Phòng	Kinh	2.91	146	Khá	
11	DTZ2157420201506	Dương Đình	Duy	Nam	02.02.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.86	146	Khá	
12	DTZ2157420201013	Vũ Xuân	Lộc	Nam	17.01.2003	Nam Định	Kinh	2.77	146	Khá	
13	DTZ2157420201505	Nguyễn Thế	Anh	Nam	16.05.2003	Thái Bình	Kinh	2.74	146	Khá	
14	DTZ2157420201011	Hoàng Quỳnh	Chi	Nữ	08.11.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.70	146	Khá	
15	DTZ2157420201502	Trần Tiến	Đạt	Nam	10.06.2002	Thái Nguyên	Kinh	2.65	146	Khá	
16	DTZ2157420201001	Nguyễn Thuý	Linh	Nữ	18.02.2003	Bắc Ninh	Kinh	3.10	146	Khá	

5/ NGÀNH: DU LỊCH K19

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157810101022	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	14.11.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.61	135	Xuất sắc	
2	DTZ2157810101002	Ma Thuý	Vân	Nữ	19.09.2003	Bắc Kạn	Tày	3.59	135	Giỏi	
3	DTZ2157810101017	Nông Thị	Thuyền	Nữ	23.03.2003	Cao Bằng	Nùng	3.42	135	Giỏi	
4	DTZ2157810101025	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	23.11.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.41	135	Giỏi	
5	DTZ2157810101508	Lương Đình	Đạo	Nam	19.10.2003	Yên Bái	Tày	3.38	135	Giỏi	
6	DTZ2157810101003	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	02.06.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.33	135	Giỏi	
7	DTZ2157810101011	Vũ Công	Minh	Nam	19.09.1999	Thái Nguyên	Sán Dìu	3.24	135	Giỏi	
8	DTZ2157810101506	Phan Thảo	My	Nữ	31.10.2002	Thái Nguyên	Kinh	3.21	135	Giỏi	
9	DTZ2157810101014	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	24.10.2003	Thái Nguyên	Tày	3.16	135	Khá	
10	DTZ2157810101028	Lê Văn	Huy	Nam	16.04.2003	Thái Bình	Kinh	3.14	135	Khá	
11	DTZ2157810101036	Hoàng Thị	Nga	Nữ	28.02.2003	Hà Giang	Tày	2.97	135	Khá	
12	DTZ2157810101004	Lường Thị	Dung	Nữ	29.08.2002	Điện Biên	Thái	2.96	135	Khá	
13	DTZ2157810101018	Lê Thị Khánh	Đoan	Nữ	10.09.2003	Thái Nguyên	Sán Dìu	2.88	135	Khá	
14	DTZ2157810101510	Triệu Hoài	Trang	Nữ	30.09.2003	Thái Nguyên	Dao	2.84	135	Khá	
15	DTZ2157810101502	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	05.05.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.73	135	Khá	

6/ NGÀNH: HÓA DƯỢC K19

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157720203007	Ngô Thị	Giang	Nữ	07.12.2003	Hà Nội	Kinh	3.28	136	Giỏi	
2	DTZ2157720203005	Vũ Thị	Liên	Nữ	30.11.2003	Hải Dương	Kinh	3.20	136	Giỏi	
3	DTZ2157720203003	Diệp Thị Hồng	Thắm	Nữ	16.04.2003	Thái Nguyên	Sán Dìu	2.93	136	Khá	

7/ NGÀNH: HÀN QUỐC HỌC K19

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157310614062	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	14.04.2003	Hà Nam	Kinh	3.76	135	Xuất sắc	
2	DTZ2157310614096	Nông Thị Ly	Nữ	23.03.2003	Thái Nguyên	Nùng	3.75	135	Xuất sắc	
3	DTZ2157310614047	Hà Văn Đức	Nam	10.09.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.73	135	Xuất sắc	
4	DTZ2157310614085	Trần Thị Huệ	Nữ	06.04.2003	Bắc Giang	Kinh	3.73	135	Xuất sắc	
5	DTZ2157310614108	Vũ Phạm Thanh Mai	Nữ	27.02.2002	Yên Bái	Kinh	3.73	135	Xuất sắc	
6	DTZ2157310614031	Hoàng Thị Bông	Nữ	25.08.2003	Cao Bằng	Nùng	3.71	135	Xuất sắc	
7	DTZ2157310614079	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	19.07.2003	Bắc Ninh	Kinh	3.52	135	Giỏi	
8	DTZ2157310614057	Phan Thị Thư	Nữ	25.05.2003	Nghệ An	Kinh	3.52	135	Giỏi	
9	DTZ2157310614037	Dương Thanh Tùng	Nam	12.09.2002	Thái Nguyên	Kinh	3.37	135	Giỏi	
10	DTZ2157310614058	Hoàng Thị Ánh	Nữ	15.04.2003	Bắc Kạn	Tày	3.25	135	Giỏi	
11	DTZ2157310614046	Vũ Thị Chang	Nữ	19.08.2002	Bắc Giang	Kinh	3.07	135	Khá	
12	DTZ2157310614075	Nguyễn Thanh Mai	Nữ	13.10.2003	Vĩnh Phúc	Kinh	3.06	135	Khá	

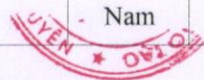
8/ NGÀNH: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG K19

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157440301502	Trần Thị Nhung	Nữ	20.01.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.65	135	Xuất sắc	
2	DTZ2157440301001	Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	23.11.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.39	135	Giỏi	
3	DTZ2157440301003	Nguyễn Thị Thúy Hào	Nữ	15.07.2003	Thái Nguyên	Tày	3.19	135	Khá	
4	DTZ2157440301006	Trần Thị Thu Hường	Nữ	20.01.2003	Bắc Ninh	Kinh	3.19	135	Khá	

9/ NGÀNH: KHOA HỌC QUẢN LÝ K19

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157340401015	Vì Thị Hạnh	Nữ	29.11.2001	Lào Cai	Thái	3.73	135	Xuất sắc	
2	DTZ2157340401504	Đàm Quốc Quân	Nam	28.10.2002	Thái Nguyên	Kinh	3.61	135	Xuất sắc	

3	DTZ2157340401005	Chu Thị Hà	Lan	Nữ	12.06.2003	Thái Nguyên	Nùng	3.39	135	Giỏi	
4	DTZ2157340401046	Tăng Thị	Vân	Nữ	04.02.2003	Tuyên Quang	Kinh	3.39	135	Giỏi	
5	DTZ2157340401033	Đặng Thị Kiều	Trang	Nữ	30.07.2003	Tuyên Quang	Kinh	3.33	135	Giỏi	
6	DTZ2157340401035	Lê Thị Ánh	Tuyết	Nữ	13.08.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.28	135	Giỏi	
7	DTZ2157340401044	Trần Thị	Hường	Nữ	20.03.2003	Tuyên Quang	Kinh	3.27	135	Giỏi	
8	DTZ2157340401002	Dương Thị Thu	Phương	Nữ	20.11.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.17	135	Khá	
9	DTZ2157340401008	Dương Thị Huyền	Trang	Nữ	20.09.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.13	135	Khá	
10	DTZ2157340401030	Đàm Thị	Chuyên	Nữ	02.02.2003	Bắc Giang	Nùng	3.11	135	Khá	
11	DTZ2157340401032	Vy Thanh	Phúc	Nữ	28.07.2003	Bắc Kạn	Tày	3.07	135	Khá	
12	DTZ2157340401027	Bùi Sỹ	Bình	Nam	11.09.2002	Phú Thọ	Mường	3.03	135	Khá	
13	DTZ2157340401041	Dương Thúy	Ngân	Nữ	25.04.2003	Bắc Giang	Kinh	3.03	135	Khá	
14	DTZ2157340401022	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	25.11.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.01	135	Khá	
15	DTZ2157340401038	Nguyễn Thị	Nhân	Nữ	05.01.2003	Bắc Ninh	Kinh	3.01	135	Khá	
16	DTZ2157340401025	Đặng Thị Minh	Ngọc	Nữ	20.11.2003	Thanh Hóa	Kinh	2.93	135	Khá	
17	DTZ2157340401506	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	21.05.2003	Hung Yên	Kinh	2.91	135	Khá	
18	DTZ2157340401047	Hoàng Thị Thanh	Hằng	Nữ	10.05.2003	Bắc Giang	Kinh	2.89	135	Khá	
19	DTZ2157340401037	Lâm Thị Ngọc	Hoài	Nữ	13.10.2003	Bắc Ninh	Kinh	2.89	135	Khá	
20	DTZ2157340401013	Lý Thị Vân	Khánh	Nữ	03.01.2003	Cao Bằng	Tày	2.88	135	Khá	
21	DTZ2157340401503	Trần Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	30.08.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.84	135	Khá	
22	DTZ2157340401501	Dương Thị	Khuê	Nữ	28.07.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.83	135	Khá	
23	DTZ2157340401502	Vũ Thị	Lương	Nữ	31.07.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.83	135	Khá	
24	DTZ2157340401026	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	17.07.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.81	135	Khá	
25	DTZ2157340401507	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	22.01.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.75	135	Khá	
26	DTZ2157340401009	Phan Thị Thanh	Trà	Nữ	02.01.2003	Bắc Kạn	Tày	2.74	135	Khá	
27	DTZ2157340401039	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	09.06.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.72	135	Khá	



[Handwritten signature]

28	DTZ2157340401505	Vũ Thị	Thảo	Nữ	28.10.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.70	135	Khá	
29	DTZ2157340401034	Trịnh Thị Phương	Hoa	Nữ	17.09.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.68	135	Khá	
30	DTZ2157340401023	Hoàng Văn	Thông	Nam	19.01.2003	Lạng Sơn	Nùng	2.67	135	Khá	
31	DTZ2157340401007	Nguyễn Đăng	An	Nam	25.02.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.65	135	Khá	
32	DTZ2157340401006	Vũ Thị	Ninh	Nữ	12.07.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.59	135	Khá	
33	DTZ2157340401028	Hà Thị	Hoa	Nữ	15.06.2002	Hòa Bình	Thái	2.51	135	Khá	
34	DTZ2157340401020	Triệu Thị	Loan	Nữ	29.08.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.44	135	Trung bình	
35	DTZ2157340401040	Đặng Thị Kim	Cúc	Nữ	14.10.2003	Bắc Giang	Kinh	2.41	135	Trung bình	
36	DTZ2157340401043	Nông Thị Xuân	Sứ	Nữ	30.11.2002	Bắc Kạn	Tày	2.34	135	Trung bình	
37	DTZ2157340401042	Linh Thị Ngọc	Trâm	Nữ	25.06.2003	Cao Bằng	Tày	2.33	135	Trung bình	

10/ NGÀNH: LUẬT K19

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157380101109	Lộc Thị	Ngọc	Nữ	18.07.2003	Lạng Sơn	Nùng	3.35	135	Giỏi	
2	DTZ2157380101042	Nông Thị	Duyên	Nữ	06.04.2003	Cao Bằng	Tày	3.33	138	Giỏi	
3	DTZ2157380101006	Bàn Thị	Huyền	Nữ	10.10.2002	Bắc Kạn	Dao	3.31	138	Giỏi	
4	DTZ2157380101007	Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	26.09.2003	Thái Nguyên	Sán Diu	3.28	138	Giỏi	
5	DTZ2157380101065	Ma Thúy	Hằng	Nữ	23.09.2003	Bắc Kạn	Tày	3.20	135	Giỏi	
6	DTZ2157380101014	Lý Thị	Cúc	Nữ	07.12.2003	Thái Nguyên	Sán chỉ	3.18	135	Khá	
7	DTZ2157380101020	Lường Văn	Tuân	Nam	28.03.2003	Sơn La	Thái	3.15	135	Khá	
8	DTZ2157380101060	Hoàng Thị	Duyên	Nữ	16.11.2002	Bắc Kạn	Tày	2.98	135	Khá	
9	DTZ2157380101021	Nông Hải	Như	Nữ	19.04.2003	Cao Bằng	Nùng	2.98	138	Khá	
10	DTZ2157380101525	Phunthavong	Phimmasone	Nữ	24.10.1998	Lào	Lào	2.97	135	Khá	
11	DTZ2157380101027	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	04.11.2003	Bắc Giang	Kinh	2.95	135	Khá	
12	DTZ2157380101105	Nông Nghĩa	Quảng	Nam	09.01.2003	Tuyên Quang	Nùng	2.95	135	Khá	



13	DTZ2157380101013	Đinh Xuân	Sắc	Nam	27.11.2002	Quảng Ninh	Kính	2.94	135	Khá	
14	DTZ2157380101514	Nguyễn Trần Thu	Quyên	Nữ	09.09.2003	Lạng Sơn	Nùng	2.93	138	Khá	
15	DTZ2157380101016	Lâm Thị	Thu	Nữ	15.11.2003	Lạng Sơn	Nùng	2.91	135	Khá	
16	DTZ2157380101110	Hoàng Ánh	Dương	Nữ	17.01.2003	Cao Bằng	Tày	2.90	135	Khá	
17	DTZ2157380101511	Dương Văn	Son	Nam	02.04.2003	Thái Nguyên	Kính	2.87	135	Khá	
18	DTZ2157380101038	Vi Thị Hồng	Ngân	Nữ	24.09.2003	Thái Nguyên	Nùng	2.86	135	Khá	
19	DTZ2157380101116	Dương Thị Hồng	Minh	Nữ	18.10.2003	Bắc Kạn	Tày	2.80	135	Khá	
20	DTZ2157380101041	Vũ Thuý	Hường	Nữ	07.04.2003	Thái Nguyên	Kính	2.80	135	Khá	
21	DTZ2157380101115	Dương Thị	Duyên	Nữ	22.01.2002	Thái Nguyên	Tày	2.79	135	Khá	
22	DTZ2157380101011	Lý Thị Xuân	Hương	Nữ	04.03.2003	Bắc Kạn	Dao	2.79	135	Khá	
23	DTZ2157380101516	Hoàng Thu	Trà	Nữ	11.11.2003	Thái Nguyên	Nùng	2.79	138	Khá	
24	DTZ2157380101051	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	19.02.2003	Sơn La	Kinh	2.78	138	Khá	
25	DTZ2157380101012	Vàng Xuân	Trường	Nam	23.11.2002	Điện Biên	Mông	2.74	138	Khá	
26	DTZ2157380101522	Nông Việt	Hung	Nam	18.04.2003	Thái Nguyên	Tày	2.72	135	Khá	
27	DTZ2157380101101	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	19.01.2003	Lai Châu	Kinh	2.70	135	Khá	
28	DTZ2157380101019	Vàng Bé	Lan	Nữ	28.11.2002	Lai Châu	La hủ	2.70	135	Khá	
29	DTZ2157380101520	Nguy Nguyễn	Dũng	Nam	07.11.2003	Thái Nguyên	Kính	2.68	138	Khá	
30	DTZ2157380101519	Lê Thị	Ánh	Nữ	17.06.2003	Thái Nguyên	Nùng	2.68	135	Khá	
31	DTZ2157380101533	Sùng A	Vang	Nam	04.04.2003	Yên Bái	Mông	2.62	135	Khá	
32	DTZ2157380101505	Đỗ Thị Phương	Thảo	Nữ	13.07.2003	Thái Nguyên	Kính	2.61	135	Khá	
33	DTZ2157380101040	Chu Thị Ngọc	Hà	Nữ	04.03.2003	Thái Nguyên	Kính	2.61	138	Khá	
34	DTZ2157380101119	Vàng Seo	Thanh	Nam	10.11.2003	Lào Cai	Mông	2.59	135	Khá	
35	DTZ2157380101114	Lý Thị	Nhung	Nữ	29.11.2003	Bắc Kạn	Tày	2.59	135	Khá	
36	DTZ2157380101003	Vũ Kim	Anh	Nữ	14.07.2003	Nam Định	Kính	2.53	135	Khá	
37	DTZ2157380101066	Đàm Thị	Thúy	Nữ	18.04.2003	Cao Bằng	Nùng	2.53	135	Khá	

38	DTZ2157380101118	Trần Ngọc	Nguyên	Nam	23.06.2003	Điện Biên	Kinh	2.51	138	Khá	
39	DTZ2157380101094	Hoàng Thị Thanh	Vân	Nữ	19.08.2003	Cao Bằng	Nùng	2.45	138	Trung bình	
40	DTZ2157380101098	Hoàng Thị	Hiên	Nữ	28.08.2003	Cao Bằng	Tày	2.38	135	Trung bình	
41	DTZ2157380101087	Khà Mạnh	Hoàn	Nam	01.03.2003	Hòa Bình	Thái	2.34	135	Trung bình	
42	DTZ2157380101111	Bùi Huy	Linh	Nam	29.09.2002	Bắc Kạn	Tày	2.27	135	Trung bình	
43	DTZ2157380101523	Thào A	Sếnh	Nam	05.10.2003	Sơn La	Mông	2.22	135	Trung bình	
44	DTZ2157380101057	Trần Lê	Hoàng	Nam	28.12.2003	Quảng Ninh	Sán Diu	2.05	138	Trung bình	

11/ NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH K19

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157220201024	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nữ	07.09.2003	Hà Nội	Kinh	3.41	135	Giỏi	
2	DTZ2157220201033	Lã Thị Ngọc Mai	Nữ	03.12.2003	Hà Nội	Kinh	3.36	135	Giỏi	
3	DTZ2157220201056	Dương Thủy Tiên	Nữ	30.12.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.36	135	Giỏi	
4	DTZ2157220201042	Hoàng Thu Phương	Nữ	24.03.2003	Lạng Sơn	Nùng	3.15	135	Khá	
5	DTZ2157220201005	Triệu Thị Mùi	Nữ	14.02.2003	Bắc Kạn	Dao	3.13	135	Khá	
6	DTZ2157220201031	Nguyễn Minh Anh	Nữ	04.07.2003	Hòa Bình	Kinh	3.12	135	Khá	
7	DTZ2157220201030	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	04.07.2003	Hòa Bình	Kinh	3.07	135	Khá	
8	DTZ2157220201025	Nguyễn Thu Phương	Nữ	26.09.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.88	135	Khá	
9	DTZ2157220201021	Nguyễn Minh Trà	Nữ	03.10.2003	Ninh Bình	Kinh	2.78	135	Khá	
10	DTZ2157220201035	Lường Thị Thủy	Nữ	24.11.2003	Lai Châu	Thái	2.76	136	Khá	
11	DTZ2157220201048	Ngô Thị Minh Thu	Nữ	27.01.2003	Bắc Giang	Kinh	2.60	135	Khá	
12	DTZ2157220201502	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	26.01.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.59	135	Khá	
13	DTZ2157220201016	Nguyễn Như Ngọc	Nữ	25.11.2003	Yên Bái	Kinh	2.51	135	Khá	
14	DTZ2157220201006	Khoảng Thị Ngọc Hà	Nữ	07.10.2002	Lai Châu	Thái	2.43	135	Trung bình	

12/ NGÀNH: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG K19

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157850101004	Nông Hà Trang	Nữ	19.05.1998	Thái Nguyên	Tày	3.68	136	Xuất sắc	
2	DTZ2157850101505	Lê Phạm Thu Thủy	Nữ	11.02.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.12	136	Khá	

13/ NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH K19

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157810103029	Dương Thị Minh Thảo	Nữ	08.12.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.78	135	Xuất sắc	
2	DTZ2157810103503	Nguyễn Thị Kiều Mỹ	Nữ	02.02.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.74	135	Xuất sắc	
3	DTZ2157810103004	Ngô Trọng Trung	Nam	17.01.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.64	135	Xuất sắc	
4	DTZ2157810103024	Nguyễn Phúc Đức	Nam	02.08.1997	Thái Nguyên	Kinh	3.59	135	Giỏi	
5	DTZ2157810103049	Hà Thị Ngân	Nữ	03.11.2003	Lạng Sơn	Nùng	3.59	135	Giỏi	
6	DTZ2157810103511	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	08.01.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.54	135	Giỏi	
7	DTZ2157810103020	Nguyễn Bá Hải	Nam	26.09.2003	Thái Nguyên	Sán chỉ	3.44	135	Giỏi	
8	DTZ2157810103035	Giàng Thị Ca	Nữ	12.09.2003	Yên Bái	Mông	3.43	135	Giỏi	
9	DTZ2157810103003	Đào Thị Như Nguyệt	Nữ	10.01.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.40	135	Giỏi	
10	DTZ2157810103033	Ma Thị Phương Thảo	Nữ	05.10.2003	Thái Nguyên	Tày	3.39	135	Giỏi	
11	DTZ2157810103055	Trần Mai Linh	Nữ	22.01.2003	Thái Bình	Kinh	3.32	135	Giỏi	
12	DTZ2157810103008	Cao Hoàng Lệ Quyên	Nữ	22.11.2003	Thái Nguyên	Tày	3.27	135	Giỏi	
13	DTZ2157810103016	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	08.05.2003	Thái Bình	Kinh	3.21	135	Giỏi	
14	DTZ2157810103056	Nguyễn Thu Hạnh	Nữ	25.06.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.15	135	Khá	
15	DTZ2157810103046	Hà Thị Thu Hằng	Nữ	17.11.2003	Bắc Kạn	Tày	3.10	135	Khá	
16	DTZ2157810103025	Vũ Ngọc Ánh	Nữ	21.07.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.04	135	Khá	
17	DTZ2157810103019	Giàng Thị Sa	Nữ	06.12.2003	Lào Cai	Mông	3.01	135	Khá	
18	DTZ2157810103081	Chu Mi Lan	Nữ	20.11.2003	Lai Châu	Hà nhĩ	2.99	135	Khá	

19	DTZ2157810103070	Đỗ Hoà	An	Nữ	08.07.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.95	135	Khá	
20	DTZ2157810103059	Dương Hữu	Cường	Nam	23.08.2003	Lạng Sơn	Tày	2.95	135	Khá	
21	DTZ2157810103508	Ngô Thị	Huyền	Nữ	13.07.2002	Thái Nguyên	Kinh	2.94	135	Khá	
22	DTZ2157810103067	Vũ Minh	Thùy	Nữ	26.04.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.94	135	Khá	
23	DTZ2157810103888	Trần Thanh	Thùy	Nữ	28.11.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.89	135	Khá	
24	DTZ2157810103010	Phạm Thị Thu	Hoài	Nữ	30.10.2003	Thái Nguyên	Sán Dìu	2.87	135	Khá	
25	DTZ2157810103052	Trương Văn	Toàn	Nam	16.06.2003	Cao Bằng	Nùng	2.85	135	Khá	
26	DTZ2157810103510	Lê Thu	Trang	Nữ	10.06.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.84	135	Khá	
27	DTZ2157810103068	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	17.09.2003	Thái Nguyên	Sán Dìu	2.84	135	Khá	
28	DTZ2157810103005	Hoàng Mỹ	Lệ	Nữ	01.10.2003	Thái Nguyên	Nùng	2.82	135	Khá	
29	DTZ2157810103015	Trương Văn	Thái	Nam	03.12.2003	Bắc Kạn	Mông	2.79	135	Khá	
30	DTZ2157810103011	Lê Dương Thanh	Trúc	Nữ	08.08.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.79	135	Khá	
31	DTZ2157810103012	Vũ Khánh	Linh	Nữ	23.07.2003	Thái Nguyên	Tày	2.76	135	Khá	
32	DTZ2157810103044	Thào Thị	Lý	Nữ	05.03.2003	Yên Bái	Mông	2.76	135	Khá	
33	DTZ2157810103009	Triệu Thị	Huyền	Nữ	27.05.2003	Thái Nguyên	Dao	2.72	135	Khá	
34	DTZ2157810103037	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	31.07.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.69	135	Khá	
35	DTZ2157810103034	Chu Văn	Quý	Nam	23.02.2003	Bắc Ninh	Kinh	2.64	135	Khá	
36	DTZ2157810103031	Lê Hữu	Long	Nam	02.10.2003	Thanh Hóa	Kinh	2.61	135	Khá	
37	DTZ2157810103058	Hoàng Hải	Nam	Nam	15.02.2003	Phú Thọ	Kinh	2.58	135	Khá	
38	DTZ2157810103018	Lâm Văn	Tiến	Nam	22.03.2003	Lạng Sơn	Nùng	2.50	135	Khá	

14/ NGÀNH: TOÁN TIN K19

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157460117777	Nông Hà	Trang	Nữ	30.05.2003	Thái Nguyên	Nùng	3.36	135	Giỏi
2	DTZ2157460117007	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	01.04.2003	Bắc Ninh	Kinh	3.20	135	Giỏi
3	DTZ2157460117799	Sầm Văn	Linh	Nam	10.11.1998	Hà Giang	Nùng	2.84	135	Khá

4	DTZ2157460117002	Trương Văn	Thanh	Nam	27.12.2003	Bắc Kạn	Mông	2.84	135	Khá	
5	DTZ2157460117005	Nông Khánh	Ly	Nữ	02.11.2003	Lạng Sơn	Nùng	2.64	135	Khá	
6	DTZ2157460117004	Vũ Khánh	Hòa	Nữ	15.11.2003	Hà Nội	Kinh	2.61	135	Khá	
7	DTZ2157460117010	Trần Thanh	Son	Nam	10.02.2003	Bắc Giang	Kinh	2.55	135	Khá	

15/ NGÀNH: TRUNG QUỐC HỌC K19

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157310612028	Hứa Thị	Dự	Nữ	12.04.2002	Bắc Giang	Nùng	3.83	137	Xuất sắc	
2	DTZ2157310612065	Nông Văn	Khánh	Nam	13.10.2003	Cao Bằng	Nùng	3.79	137	Xuất sắc	
3	DTZ2157310612117	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	09.04.2003	Tuyên Quang	Kinh	3.64	137	Xuất sắc	
4	DTZ2157310612035	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04.11.2000	Thái Nguyên	Kinh	3.62	137	Xuất sắc	
5	DTZ2157310612010	Lìn Thị	Mai	Nữ	21.09.2003	Hà Giang	Hoa	3.58	137	Giỏi	
6	DTZ2157310612148	Triệu Thị Thùy	Dung	Nữ	02.03.2003	Lạng Sơn	Nùng	3.53	137	Giỏi	
7	DTZ2157310612037	Vi Văn	Tuyền	Nam	08.05.2002	Bắc Giang	Kinh	3.53	137	Giỏi	
8	DTZ2157310612120	Long Thị	Thương	Nữ	22.01.2003	Cao Bằng	Nùng	3.49	137	Giỏi	
9	DTZ2157310612155	Lục Thị	Yến	Nữ	28.05.2003	Cao Bằng	Nùng	3.45	137	Giỏi	
10	DTZ2157310612084	Lục Thị	Hợp	Nữ	23.01.2003	Cao Bằng	Nùng	3.43	137	Giỏi	
11	DTZ2157310612114	Hoàng Thị Nhật	Lệ	Nữ	25.01.2003	Thái Nguyên	Tày	3.39	137	Giỏi	
12	DTZ2157310612128	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	13.12.2003	Hà Giang	Tày	3.39	137	Giỏi	
13	DTZ2157310612516	Hồ Ngọc	Bích	Nữ	10.03.2003	Thái Nguyên	Nùng	3.37	137	Giỏi	
14	DTZ2157310612003	Đinh Thị	Lợi	Nữ	08.01.2000	Quảng Ninh	Kinh	3.35	137	Giỏi	
15	DTZ2157310612113	Dương Thanh	Tùng	Nam	02.08.2001	Thái Nguyên	Tày	3.34	137	Giỏi	
16	DTZ2157310612029	Lục Thị	Liều	Nữ	15.07.2002	Cao Bằng	Nùng	3.33	137	Giỏi	
17	DTZ2157310612132	Hoàng Thị Cách	Cách	Nữ	13.09.2003	Lạng Sơn	Tày	3.31	137	Giỏi	
18	DTZ2157310612097	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	08.11.2003	Lạng Sơn	Tày	3.31	137	Giỏi	



19	DTZ2157310612111	Dương Thị	Hương	Nữ	12.04.2000	Thái Nguyên	Kinh	3.30	137	Giỏi	
20	DTZ2157310612011	Hoàng Thị	Hương	Nữ	08.08.2003	Hà Giang	Nùng	3.29	137	Giỏi	
21	DTZ2157310612081	Lý Thị Ngọc	Ánh	Nữ	27.06.2003	Thái Nguyên	Nùng	3.22	137	Giỏi	
22	DTZ2157310612141	Vy Thị	Hiếu	Nữ	22.03.2003	Lạng Sơn	Nùng	3.22	137	Giỏi	
23	DTZ2157310612118	Nguyễn Thị Hoa	Sen	Nữ	25.11.2003	Bắc Ninh	Kinh	3.22	137	Giỏi	
24	DTZ2157310612125	Quân Ngọc	Tuyết	Nữ	20.10.2003	Tuyên Quang	Tày	3.18	137	Khá	
25	DTZ2157310612095	Lê Thị	Ngọc	Nữ	06.08.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.16	137	Khá	
26	DTZ2157310612071	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	03.08.2003	Lào Cai	Kinh	3.16	137	Khá	
27	DTZ2157310612156	Nguyễn Tổ	Uyên	Nữ	20.08.2003	Bắc Giang	Kinh	3.12	137	Khá	
28	DTZ2157310612127	Trần Thu	Hà	Nữ	06.07.2003	Hà Nội	Kinh	3.11	137	Khá	
29	DTZ2157310612032	Và A	Dơ	Nam	01.03.2001	Sơn La	Mông	3.09	137	Khá	
30	DTZ2157310612094	Long Thị	Tiêu	Nữ	21.02.2003	Cao Bằng	Nùng	3.03	137	Khá	
31	DTZ2157310612088	Nguyễn Hà Kim	Anh	Nữ	29.07.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.02	137	Khá	
32	DTZ2157310612519	Nguyễn Quang	Huy	Nam	08.02.2003	Thái Nguyên	Kinh	3.00	137	Khá	
33	DTZ2157310612505	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	01.09.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.95	137	Khá	
34	DTZ2157310612528	Đặng Phương	Thảo	Nữ	23.10.2003	Thái Nguyên	Nùng	2.93	137	Khá	
35	DTZ2157310612110	Giáp Thị	Hường	Nữ	02.10.2003	Lạng Sơn	Tày	2.88	137	Khá	
36	DTZ2157310612073	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	15.08.2003	Nam Định	Kinh	2.89	137	Khá	
37	DTZ2157310612151	Hoàng Thị Yên	Linh	Nữ	22.09.2002	Lạng Sơn	Nùng	2.88	137	Khá	
38	DTZ2157310612153	Triệu Chu Như	Quỳnh	Nữ	19.06.2002	Bắc Kạn	Dao	2.88	137	Khá	
39	DTZ2157310612100	Thùng Thị	An	Nữ	15.08.2003	Lai Châu	Thái	2.84	137	Khá	
40	DTZ2157310612133	Triệu Phúc	Long	Nam	22.02.2000	Thái Nguyên	Dao	2.80	137	Khá	
41	DTZ2157310612049	Hứa Bình	Dịu	Nữ	12.05.2003	Lạng Sơn	Nùng	2.79	137	Khá	
42	DTZ2157310612137	Nguyễn Thị	Điệp	Nữ	17.10.2003	Bắc Ninh	Kinh	2.79	137	Khá	
43	DTZ2157310612523	Trần Thu	Thương	Nữ	05.11.2003	Thái Nguyên	Kinh	2.78	137	Khá	

44	DTZ2157310612107	Hoàng Thị Anh	Thư	Nữ	13.05.2003	Ninh Bình	Kinh	2.76	137	Khá	
45	DTZ2157310612112	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	01.09.2003	Quảng Ninh	Kinh	2.74	137	Khá	
46	DTZ2157310612034	Hà Thị Thanh	Trúc	Nữ	22.09.2002	Bắc Kạn	Tày	2.71	137	Khá	
47	DTZ2157310612068	Trần Thị	Hiếu	Nữ	21.06.2003	Bắc Giang	Kinh	2.66	137	Khá	
48	DTZ2157310612134	Vi Thị	Nhân	Nữ	13.02.2002	Bắc Giang	Kinh	2.65	137	Khá	
49	DTZ2157310612040	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	04.07.2003	Bắc Ninh	Kinh	2.60	137	Khá	
50	DTZ2157310612106	Dương Thị	Linh	Nữ	14.05.2003	Cao Bằng	Tày	2.57	137	Khá	
51	DTZ2157310612085	Lý Tiểu	Quyên	Nữ	27.06.2003	Lạng Sơn	Nùng	2.57	137	Khá	
52	DTZ2157310612018	Nông Thị Hồng	Mơ	Nữ	04.07.2002	Bắc Kạn	Tày	2.53	137	Khá	
53	DTZ2157310612050	Lý Thị Hương	Lê	Nữ	05.01.2003	Cao Bằng	Tày	2.47	137	Trung bình	

16/ NGÀNH: THÔNG TIN - THƯ VIỆN K19

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157320201501	LOUNNY SALABSENG	Nữ	28.03.1999	Lào	Lào	3.07	136	Khá	

17/ NGÀNH: TOÁN HỌC

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157460101999	PHONGXAY LATTHIDA	Nam	06.03.2000	Lào	Lào	2.90	125	Khá	

18/ NGÀNH: VĂN HỌC K19

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157229030003	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	14.12.2003	Thái Nguyên	Nùng	3.50	135	Giỏi	
2	DTZ2157229030001	Dư Thị Tính	Nữ	04.01.2002	Phú Thọ	Kinh	3.49	135	Giỏi	
3	DTZ2157229030002	Nguyễn Hoàng Lan	Nữ	27.11.2003	Thái Nguyên	Tày	3.47	135	Giỏi	
4	DTZ2157229030006	Lý Thị Kim Hoa	Nữ	08.09.2003	Cao Bằng	Nùng	3.30	135	Giỏi	

19/ NGÀNH: VẬT LÝ HỌC K19

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	TBC TL (hệ 4)	STC TL	Xếp hạng học tập	Ghi chú
1	DTZ2157440102503	Mone	Phommahaxay	Nữ	28.03.2003	Lào	Lào	3.63	135	Xuất sắc	
2	DTZ2157440102501	Souksakhone	Xaikouasy	Nam	03.07.2002	Lào	Lào	3.35	135	Giỏi	
3	DTZ2157440102502	Kouan	Cheungnavatchant hasone	Nam	17.03.2001	Lào	Lào	3.33	135	Giỏi	

Ấn định danh sách: 274 sinh viên./.

